

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày: 18/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tố Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiên
2. Bà Hà Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 261/2017/HSST ngày 18/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HSST-QĐ ngày 04/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh T** - sinh năm 1965. ĐKKHKT và chỗ ở: số 5/7 Kim S, phường T, Thành phố H, tỉnh Hải Dương ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/10. Con ông Nguyễn Văn T1; con bà Phạm Thị Th (đều đã chết). Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1993. Tiền sự: Chưa; Tiền án: Bản án số 29/2015/HSST ngày 11/3/2015 của TAND Thành phố H xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 25/02/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2017, chuyển tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh tạm giam số 182 ngày 06/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị **Bùi Thị Ng**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 46/37 Khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

2. Ông **Phạm Văn Th1**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 70B Mạc Đĩnh C, phường Lê Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1975.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số nhà 546 Trần Hưng Đ, thành phố H.

Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Văn Th2**, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn Bái H, xã Toàn Th, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Đỗ Xuân S**, sinh năm 1986;

ĐKKH và trú tại: Khu An Th, thị trấn Phú Th, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Anh **Nguyễn Văn Duy**, sinh năm 1996.

ĐKKH và trú tại: Khu An Th, thị trấn Phú Th, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20h30' ngày 01/8/2017, Nguyễn Anh T đi bộ đến nhà chị Bùi Thị Ng, ở số 46/37 Khu An P 2, Phường T, Thành phố H, T phát hiện tại gian đầu tiên ở tầng 1 sau cánh cửa kính thủy lực có một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Momentum, loại xe ruồi, khung xe màu đỏ đen, yên xe màu đen-vàng có dòng chữ “Giant”, có số khung: 6536214088115xx, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Thấy không có ai, T mở cửa kính đi vào trong nhà và dắt chiếc xe đạp điện ra ngoài, đi về khu vực cầu Phú L. Tại đây T gặp anh T1 (còn gọi là T1 Qu, không rõ địa chỉ cụ thể) nhờ T1 Qu tìm chỗ bán hộ chiếc xe. T1 Qu dẫn T đến cửa hàng mua bán xe đạp điện của anh Nguyễn Văn C, ở số 546 Trần Hưng Đ, P. Ngọc Châu, Thành phố H và bán chiếc xe đạp điện cho anh C với giá 2.800.000 đồng (anh C không biết xe do trộm cắp mà có). Số tiền này T cho T1 Qu 400.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết 200.000đồng; còn 2.200.000 đồng sau khi bị phát hiện giao nộp cho cơ quan Công an. Tại Kết luận định giá tài sản số 204/KL - HĐĐG ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND thành phố H kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe đạp, nhãn hiệu Momentum M133 là: 5.800.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 11h30 ngày 06/10/2017, Nguyễn Anh T đi bộ đến ngõ số 266 đường Hồng Châu, P. Lê Th, Thành phố H thì phát hiện 01 chiếc xe đạp mi ni sơn màu đỏ, giỏ màu đen, số khung: D8E216XX, yên sau lắp ghế ngồi trẻ em, xe khóa bánh sau, của ông Phạm Văn Th1, HKTT: 70B Mạc Đĩnh C, P.Lê Th, TP.Hải Dương, đang dựng trên mặt hồ ga trước cửa nhà số 9 (Nhà văn hóa khu 3, P. Lê Th, Thành phố H). Thấy không có người, T liền nâng xe lên vai, chạy về hướng đầu ngõ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, bắt quả tang. Tại Kết luận định giá tài sản số 232/KL - HĐĐG ngày 23/11/2017 của Hội đồng

định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND thành phố H kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe mi ni, màu đỏ, giỏ màu đen là: 800.000đ.

Vật chứng và Trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Momentum, loại xe ruồi, khung xe màu đỏ đen, yên xe màu đen - vàng có dòng chữ “Giant”, có số khung: 6536214088115xx và chiếc xe đạp mi ni sơn màu đỏ, giỏ xe màu đen, phía sau yên xe có lắp ghế ngồi trẻ em. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã trả lại cho chị Bùi Thị Ng và ông Phạm Văn Th1. Chị Ng và ông Th1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Anh T đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H quản lý tại tài khoản tạm gửi kho bạc nhà nước chờ xử lý; anh Nguyễn Văn C yêu cầu T hoàn trả số tiền 2.800.000.

Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh đối tượng trộm cắp xe đạp của chị Ng đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị Ng và ông Phạm Văn Th1 xác định đã nhận lại xe đạp điện, xe đạp không bị hư hỏng và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.800.000đ; chị Nga, ông Th1 và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 04/VKS-HS ngày 18/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự được sửa đổi năm 2009(được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 06/10/2017; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; khoản 1 Điều 579; Điều 580; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả anh Nguyễn Văn C số tiền 2.800.000đ; Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20h30 ngày 01/8/2017 tại tầng 1 nhà số 46/37 khu An P 2, P. T, Thành phố H, bị cáo Nguyễn Anh T lợi dụng sơ hở chiếm đoạt của chị Bùi Thị Ng 01 xe đạp điện nhãn hiệu Momentum, loại xe ruồi, khung xe màu đỏ đen, yên xe màu đen - vàng có dòng chữ “Giant”, có số khung: 6536214088115xx, trị giá 5.800.000 đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) và khoảng 11 giờ 30, ngày 06/10/2017, tại trước cửa nhà văn hóa số 9/266 Hồng Châu, P. Lê Th, TP.Hải Dương, bị cáo có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp mini sơn màu đỏ, trị giá 800.000đ của ông Phạm Văn Th1 thì bị bắt quả tang. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.600.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã phạm tội và bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị các Tòa án xét xử tại nhiều bản án; có tiền án chưa được xóa án tích (mới ra trại ngày 25/02/2017) nay lại thực hiện 02 hành vi phạm tội cùng loại tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị Ng và ông Phạm Văn Th1 xác định đã nhận lại xe đạp điện, xe đạp không bị hư hỏng, đều không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.800.000đ. Xét việc anh C mua chiếc đạp điện của bị cáo, anh C không biết xe là tài sản trộm cắp mà có nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả anh C số tiền nêu trên là phù hợp qui định của pháp luật.

Về vật chứng: Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Momentum, loại xe ruồi, khung xe màu đỏ đen, yên xe màu đen-vàng có dòng chữ “Giant”, có số khung: 6536214088115xx của chị Ng và chiếc xe đạp mi ni sơn màu đỏ, giỏ màu đen, số khung: D8E216XX, yên sau lắp ghế ngồi trẻ em của ông Th1. Chị Ng và ông Th1 xác nhận đã nhận lại nên không đặt ra giải quyết.

- 01 (một) phong bì niêm phong, bên trong có số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai số tiền này là do bị cáo bán chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Momentum cho anh C mà có nên cần hoàn trả cho anh C số tiền 2.200.000đ, số tiền còn lại buộc bị cáo tiếp tục phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh C là phù hợp.

Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh Nguyễn Anh T trộm cắp xe đạp của chị Ng tiếp tục lưu hồ sơ vụ án (BL số 47a).

Đối với người có tên T1 “Qu” đến nay chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Công an tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/10/2017.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng;

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; khoản 1 Điều 579; Điều 580; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải có trách nhiệm hoàn trả anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975. Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số nhà 546 Trần Hưng Đ, thành phố H số

tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn). Được đổi trừ số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng) đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong, có chữ ký bị can Nguyễn Anh T; chữ ký của Điều tra viên Trần Quang T2 và dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H. Phong bì số 400 (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H). Số tiền còn lại là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng chẵn) buộc bị cáo T tiếp tục phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh C.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T không thi hành trả khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về vật chứng: Không phải giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (chị Ng và ông Th1) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh C) vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố H.
- Công an Thành phố H.
- Chi cục THADS Thành phố H.
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên